|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ TRƯỜNG SƠN**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PBGDPL** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Trường Sơn, ngày 20 tháng 4 năm 2022* |

**CHƯƠNG TRÌNH TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN HỆ THỐNG TRUYỀN THANH VÀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA XÃ LẦN 01 THÁNG 4 NĂM 2022**

|  |
| --- |
|  |

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH10/2022/NĐ-CP**

**QUY ĐỊNH VỀ LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

**1. Đối tượng chịu lệ phí trước bạ**

Nhà, đất.

Súng săn; súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao.

Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy), kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn; trừ ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.

Thuyền, kể cả du thuyền.

Tàu bay.

Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy).

Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này được thay thế và phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

**2. Người nộp lệ phí trước bạ**

Tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ quy định tại Điều 3 Nghị định này phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

**3. Căn cứ tính lệ phí trước bạ**

Căn cứ tính lệ phí trước bạ là giá tính lệ phí trước bạ và mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%).

**4. Giá tính lệ phí trước bạ**

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất:

Giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

Trường hợp đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thời hạn thuê đất nhỏ hơn thời hạn của loại đất quy định tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá đất của thời hạn thuê đất tính lệ phí trước bạ được xác định như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giá đất của thời hạn thuê đất tính lệ phí trước bạ | = | Giá đất tại Bảng giá đất | x Thời hạn thuê đất |
| 70 năm |

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất trong một số trường hợp đặc biệt:

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo là giá bán thực tế theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật hoặc giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế theo biên bản trúng đấu giá, đấu thầu hoặc theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả giá trị đất được phân bổ. Giá trị đất được phân bổ được xác định bằng giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nhân với hệ số phân bổ. Hệ số phân bổ được xác định theo quy định tại Nghị định số [53/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-53-2011-nd-cp-huong-dan-luat-thue-su-dung-dat-phi-nong-nghiep-126042.aspx) ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Trường hợp giá nhà, đất tại hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cao hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà.

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn, thuyền, kể cả du thuyền, tàu bay quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định này; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản.

Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản được xác định căn cứ vào các cơ sở dữ liệu sau:

Đối với tài sản mua bán trong nước là giá trên hóa đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá theo Thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng.

Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Đối với tài sản nhập khẩu (bao gồm cả tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu) là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị giá tăng (nếu có); hoặc là giá theo Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp nước ngoài. Trường hợp miễn thuế nhập khẩu theo quy định thì giá tính lệ phí trước bạ bao gồm cả thuế nhập khẩu được miễn.

Giá tính lệ phí trước bạ trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế; giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô (sau đây gọi chung là ô tô) và xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng) là giá tại Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành.

Giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ được xác định theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ.

Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại ô tô, xe máy (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe) được căn cứ vào các cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giá tính lệ phí trước bạ của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe).

Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ hoặc ô tô, xe máy có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ mà giá chuyển nhượng ô tô, xe máy trên thị trường tăng hoặc giảm từ 5% trở lên so với giá tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì Cục Thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày mùng 5 của tháng cuối quý.

Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo. Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung được ban hành theo quy định về ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ quy định tại điểm a khoản này hoặc căn cứ vào trung bình cộng giá tính lệ phí trước bạ của cơ quan thuế các địa phương.

Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản đã qua sử dụng (trừ nhà, đất; tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu; tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trị còn lại của ô tô, xe máy mới trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe). Trường hợp chưa có giá tính lệ phí trước bạ của ô tô, xe máy mới trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì giá tính lệ phí trước bạ của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại của kiểu loại xe tương đương đã có giá tính lệ phí trước bạ trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ.

Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức trả góp là giá trả một lần (không bao gồm lãi trả góp) được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân là giá trên hóa đơn bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

**5. Mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%)**

Nhà, đất: Mức thu là 0,5%.

 Súng săn; súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao: Mức thu là 2%.

Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay: Mức thu là 1%.

Xe máy: Mức thu là 2%.

Riêng:

Xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc trung ương; thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 5%.

Đối với xe máy nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi được áp dụng mức thu là 1%. Trường hợp chủ tài sản đã kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với xe máy là 2%, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a khoản này thì nộp lệ phí trước bạ với mức thu là 5%.

Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô: Mức thu là 2%.

Riêng:

Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up): nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 10%. Trường hợp cần áp dụng mức thu cao hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định điều chỉnh tăng nhưng tối đa không quá 50% mức thu quy định chung tại điểm này.

Ô tô pick-up chở hàng có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 950 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 950 kg nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

Ô tô điện chạy pin:

Trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 0%.

Trong vòng 2 năm tiếp theo: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.

 Các loại ô tô quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này: nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi với mức thu là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Căn cứ vào loại phương tiện ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp, cơ quan thuế xác định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô theo quy định tại khoản này.

Đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này được thay thế và phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì áp dụng mức thu lệ phí trước bạ tương ứng của từng loại tài sản.

Tổ chức, cá nhân đã được miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy lần đầu, nếu chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc chuyển mục đích sử dụng mà không thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ theo quy định thì tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu trên giá trị sử dụng còn lại của tài sản.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân có đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần thứ 2 trở đi.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân không có đăng ký quyền sở hữu trước đó hoặc không có cơ sở để xác định việc đã đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu.

Mức thu lệ phí trước bạ đối với tài sản quy định tại Điều này khống chế tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản/1 lần trước bạ, trừ ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, tàu bay, du thuyền.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

**6. Miễn lệ phí trước bạ**

Nhà, đất là trụ sở của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và nhà ở của người đứng đầu cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.

Tài sản (trừ nhà, đất) của tổ chức, cá nhân nước ngoài sau đây:

Cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, cơ quan Đại điện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc.

Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự, thành viên cơ quan Đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này, nhưng được miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê sử dụng vào các mục đích sau đây:

Sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thăm dò, khai thác khoáng sản; nghiên cứu khoa học theo giấy phép hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng (không phân biệt đất trong hay ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất), đầu tư xây dựng nhà để chuyển nhượng, bao gồm cả trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đầu tư xây dựng nhà để chuyển nhượng. Các trường hợp này nếu đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng để cho thuê hoặc tự sử dụng thì phải nộp lệ phí trước bạ.

Đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

Đất nông nghiệp chuyển đổi quyền sử dụng giữa các hộ gia đình, cá nhân trong cùng xã, phường, thị trấn để thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai.

Đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân tự khai hoang phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không có tranh chấp mà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê của tổ chức, cá nhân đã có quyền sử dụng đất hợp pháp.

Nhà, đất sử dụng vào mục đích cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động.

Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa.

Nhà, đất nhận thừa kế hoặc là quà tặng giữa: Vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội, bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh, chị, em ruột với nhau nay được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tạo lập thông qua hình thức phát triển nhà ở riêng lẻ theo quy định của Luật Nhà ở.

Tài sản cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê thông qua việc nhượng, bán tài sản cho thuê thì bên thuê được miễn nộp lệ phí trước bạ; trường hợp công ty cho thuê tài chính mua tài sản của đơn vị có tài sản đã nộp lệ phí trước bạ sau đó cho chính đơn vị bán tài sản thuê lại thì công ty cho thuê tài chính được miễn nộp lệ phí trước bạ.

Nhà, đất, tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Nhà, đất thuộc tài sản công dùng làm trụ sở cơ quan của cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Nhà, đất được bồi thường, tái định cư (kể cả nhà, đất mua bằng tiền được bồi thường, hỗ trợ) khi Nhà nước thu hồi nhà, đất theo quy định của pháp luật.

Việc miễn lệ phí trước bạ quy định tại khoản này được áp dụng đối với đối tượng bị thu hồi nhà, đất.

16. Tài sản của tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng được miễn nộp lệ phí trước bạ trong những trường hợp sau đây:

Tài sản đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt

**Điều 7. Đối tượng chịu lệ phí trước bạ**

 Nhà, đất.

Súng săn; súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao.

Tàu theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải (sau đây gọi là tàu thủy), kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn; trừ ụ nổi, kho chứa nổi và giàn di động.

Thuyền, kể cả du thuyền.

Tàu bay.

 Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, xe gắn máy phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (sau đây gọi chung là xe máy).

Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô phải đăng ký và gắn biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này được thay thế và phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

**8. Người nộp lệ phí trước bạ**

Tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ quy định tại Điều 3 Nghị định này phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

**9. Căn cứ tính lệ phí trước bạ**

Căn cứ tính lệ phí trước bạ là giá tính lệ phí trước bạ và mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%).

**10. Giá tính lệ phí trước bạ**

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất:

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

Trường hợp đất thuê của Nhà nước theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thời hạn thuê đất nhỏ hơn thời hạn của loại đất quy định tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá đất của thời hạn thuê đất tính lệ phí trước bạ được xác định như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Giá đất của thời hạn thuê đất tính lệ phí trước bạ | = | Giá đất tại Bảng giá đất | x Thời hạn thuê đất |
| 70 năm |

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất trong một số trường hợp đặc biệt:

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, bao gồm cả đất kèm theo là giá bán thực tế theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu giá, đấu thầu là giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật hoặc giá trúng đấu giá, đấu thầu thực tế theo biên bản trúng đấu giá, đấu thầu hoặc theo văn bản phê duyệt kết quả đấu giá, đấu thầu (nếu có) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư bao gồm cả giá trị đất được phân bổ. Giá trị đất được phân bổ được xác định bằng giá đất tại Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành nhân với hệ số phân bổ. Hệ số phân bổ được xác định theo quy định tại Nghị định số [53/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-53-2011-nd-cp-huong-dan-luat-thue-su-dung-dat-phi-nong-nghiep-126042.aspx) ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

 Trường hợp giá nhà, đất tại hợp đồng mua bán nhà, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cao hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng mua bán nhà.

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao, tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn, thuyền, kể cả du thuyền, tàu bay quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định này; vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) của tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng là giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản.

Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại tài sản được xác định căn cứ vào các cơ sở dữ liệu sau:

Đối với tài sản mua bán trong nước là giá trên hóa đơn, chứng từ bán hàng hợp pháp theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Đối với tài sản sản xuất trong nước là giá theo Thông báo của doanh nghiệp sản xuất chính hãng.

Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo là giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có). Trường hợp tài sản tự sản xuất, chế tạo hoặc thuê sản xuất, chế tạo mà không có giá bán của tài sản cùng loại hoặc tương đương là giá thành sản phẩm, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Đối với tài sản nhập khẩu (bao gồm cả tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu) là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị giá tăng (nếu có); hoặc là giá theo Thông báo của doanh nghiệp nhập khẩu được ủy quyền thay mặt doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp nước ngoài. Trường hợp miễn thuế nhập khẩu theo quy định thì giá tính lệ phí trước bạ bao gồm cả thuế nhập khẩu được miễn.

Giá tính lệ phí trước bạ trên ứng dụng quản lý trước bạ của cơ quan thuế; giá bán tài sản cùng loại hoặc tương đương, bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản là ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô (sau đây gọi chung là ô tô) và xe máy quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng) là giá tại Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ do Bộ Tài chính ban hành.

 Giá tính lệ phí trước bạ tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ được xác định theo nguyên tắc đảm bảo phù hợp với giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường tại thời điểm xây dựng Bảng giá tính lệ phí trước bạ.

Giá chuyển nhượng tài sản trên thị trường của từng loại ô tô, xe máy (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe) được căn cứ vào các cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

 Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này quyết định giá tính lệ phí trước bạ của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe).

 Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới chưa có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ hoặc ô tô, xe máy có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ mà giá chuyển nhượng ô tô, xe máy trên thị trường tăng hoặc giảm từ 5% trở lên so với giá tại Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì Cục Thuế tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày mùng 5 của tháng cuối quý.

Bộ Tài chính ban hành Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung trước ngày 25 của tháng cuối quý để áp dụng kể từ ngày đầu của quý tiếp theo. Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung được ban hành theo quy định về ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ quy định tại điểm a khoản này hoặc căn cứ vào trung bình cộng giá tính lệ phí trước bạ của cơ quan thuế các địa phương.

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản đã qua sử dụng (trừ nhà, đất; tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu; tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân đã qua sử dụng) là giá trị còn lại tính theo thời gian sử dụng của tài sản.

Đối với ô tô, xe máy đã qua sử dụng thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trị còn lại của ô tô, xe máy mới trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ (đối với xe ô tô, xe máy là theo kiểu loại xe; đối với xe tải là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách là theo nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chở kể cả lái xe). Trường hợp chưa có giá tính lệ phí trước bạ của ô tô, xe máy mới trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ thì giá tính lệ phí trước bạ của ô tô, xe máy đã qua sử dụng là giá trị còn lại của kiểu loại xe tương đương đã có giá tính lệ phí trước bạ trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ.

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức trả góp là giá trả một lần (không bao gồm lãi trả góp) được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, bao gồm cả thuế nhập khẩu (nếu có), thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế giá trị gia tăng (nếu có).

 Giá tính lệ phí trước bạ đối với tài sản mua theo phương thức xử lý tài sản xác lập sở hữu toàn dân là giá trên hóa đơn bán tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

**11. Mức thu lệ phí trước bạ theo tỷ lệ (%)**

 Nhà, đất: Mức thu là 0,5%.

 Súng săn; súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao: Mức thu là 2%.

 Tàu thủy, kể cả sà lan, ca nô, tàu kéo, tàu đẩy, tàu ngầm, tàu lặn; thuyền, kể cả du thuyền; tàu bay: Mức thu là 1%.

 Xe máy: Mức thu là 2%.

Riêng:

 Xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc trung ương; thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 5%.

 Đối với xe máy nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi được áp dụng mức thu là 1%. Trường hợp chủ tài sản đã kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với xe máy là 2%, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a khoản này thì nộp lệ phí trước bạ với mức thu là 5%.

 Ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô: Mức thu là 2%.

Riêng:

 Ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (bao gồm cả xe con pick-up): nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 10%. Trường hợp cần áp dụng mức thu cao hơn cho phù hợp với điều kiện thực tế tại từng địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định điều chỉnh tăng nhưng tối đa không quá 50% mức thu quy định chung tại điểm này.

 Ô tô pick-up chở hàng có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 950 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, Ô tô tải VAN có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 950 kg nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 60% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống.

 Ô tô điện chạy pin:

Trong vòng 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 0%.

Trong vòng 2 năm tiếp theo: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu bằng 50% mức thu đối với ô tô chạy xăng, dầu có cùng số chỗ ngồi.

 Các loại ô tô quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này: nộp lệ phí trước bạ lần thứ 2 trở đi với mức thu là 2% và áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Căn cứ vào loại phương tiện ghi tại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp, cơ quan thuế xác định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô theo quy định tại khoản này.

 Đối với vỏ, tổng thành khung, tổng thành máy, thân máy (block) quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này được thay thế và phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì áp dụng mức thu lệ phí trước bạ tương ứng của từng loại tài sản.

 Tổ chức, cá nhân đã được miễn hoặc không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy lần đầu, nếu chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc chuyển mục đích sử dụng mà không thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ theo quy định thì tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu trên giá trị sử dụng còn lại của tài sản.

 Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân có đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần thứ 2 trở đi.

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật mà ô tô, xe máy xác lập sở hữu toàn dân không có đăng ký quyền sở hữu trước đó hoặc không có cơ sở để xác định việc đã đăng ký quyền sở hữu trước đó thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khi đăng ký quyền sở hữu ô tô, xe máy nộp lệ phí trước bạ với mức thu lần đầu.

Mức thu lệ phí trước bạ đối với tài sản quy định tại Điều này khống chế tối đa là 500 triệu đồng/1 tài sản/1 lần trước bạ, trừ ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, tàu bay, du thuyền.

Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.

**12. Khai, nộp lệ phí trước bạ**

 Tổ chức, cá nhân khai, nộp lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 Dữ liệu điện tử nộp lệ phí trước bạ qua Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Tổng cục Thuế ký số và cung cấp lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, có giá trị như chứng từ bản giấy để cơ quan cảnh sát giao thông, cơ quan tài nguyên môi trường và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đã kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia truy cập, khai thác dữ liệu phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. HỘI ĐỒNG****Nguyễn Văn Tuyến****(Chủ tịch UBND xã)** |